

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES
 302 BROADWAY, NEW YORK, N.Y. 10013-2127/440-8077
 CABLE ADDRESS: NICAETHWELL
 TELETYPE NUMBER: 360934

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were
 formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that
 eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program
 can be established.

Applicant in Vietnam: Hồ Văn Trà
 Last Middle First

Current Address: (Diachienlac) 96 Đinh Tiên Hoàng, Thị xã Pleiku, Việt Nam

Date of Birth: 21-03-1938 Place of Birth: Xã Bình An, Thành Bình, Quảng Nam

Names of Accompanying Relatives/Dependents

<u>con Trần Thị Bông, 1947</u>	<u>con Hồ Trần Trọng Hiền, 1968</u>
<u>con Hồ Trần Hạnh Duyên, 1973</u>	<u>con Hồ Thị Ngọc Diên, 1973</u>
<u>con Hồ Trần Khánh Vân, 1974</u>	<u>con Hồ Trần Trọng Nhân, 1975</u>
<u>con Hồ Trần Như Nguyên, 1980</u>	<u>con Hồ Trần Hạnh Tâm, 1985</u>
<u>con Hồ Trần Bích Thủy, 1987</u>	

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 11-5-1975 To 30-6-1983
 Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

NAME	RELATIONSHIP	NAME	RELATIONSHIP
------	--------------	------	--------------

Form Completed by:

Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria
 and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do
 so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam

Pleiku, ngày 16 tháng 12 năm 1987

Kính gửi: Hội Cựu Tự Nhân Chính Trị Cộng Sản
Việt Nam.
Tại California, Hoa Kỳ.

Kính thưa Bà Chủ tịch Hội,

Tôi ký tên dưới đây Hồ Văn Trà, sinh ngày 21-3-1938
Tại xã Bình An, huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam.
Trú tại thôn 2 Xã An Phú, Thị xã Pleiku, Tỉnh
Gialai - Kon Tum.

Ngày 30-4-1975 Tôi gia nhập quân
Cảnh Sát Đặc Biệt với cấp bậc Trung Sĩ 1 thành lập
và đã đầu quân những khu vực Trùng G. Đặc Biệt thuộc
Beeth Usak quân lữ Trùng G năm 1971-1972.

Trùng G. N. Khu. Miền F. Đặc Biệt thuộc Beeth/USAK
Tỉnh Pleiku Từ đầu năm 1973 đến ngày 30/4/1975.
Ngày 30/4/1975 Tôi bị bắt và đưa đi các trại
từ ngày 11-5-1975. Đến ngày 30/6/1983 (8 tháng 10 ngày)
qua các Trại Pleibong, Gialai-Kon Tum - Trại Gia Trung thuộc
Bộ Nội vụ cho đến ngày ra Trại.

Với hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn, ăn đói, và
Trước ngày 30/4/1975 là giai đoạn. Cho nên tôi giữ tổng
của ông vất vả. Nấu và chế biến H.C. Để dành cho
nguồn ở hai cái heo thả ra. Nay tôi hoàn toàn và xin
Bà Chủ tịch và quý hội, cần xin cần thiệp cho gia đình,
tôi được gởi danh sách ra đi theo chương trình H.C. để
định củ họ cho các con và của ông mới. Trong những
ngày còn ở Việt Nam kinh tế xin Bà Chủ tịch và quý
hội với mục đích nhân đạo cứu giúp cho gia đình
chúng tôi phần nào về vật chất để họ sống cho cuộc
sống quá khó khăn cho các cháu tiếp tục được học hành.
Và về phương diện sức khỏe cho chúng tôi.

Gia đình chúng tôi xin Bà Chủ tịch và quý hội thể
nhân hỏi đến lý do thành ra ta và biết ở đâu xa
của chúng tôi.

Kính đơn,

Kính gửi: Kính thưa:

- 1 Mẫu gởi tin họ nhân - 1 gởi ra ra Trại

(Xin được thiệp báo theo địa chỉ:
Hồ Văn Trà, 96 Đinh Xuân Hoàng - Thị xã Pleiku - Gialai-Kon Tum -)

Hà

Hồ Văn Trà

FORMER POLITICAL PRISONERS OF COMMUNIST VIETNAM ASSOCIATION
HỘI CHÁI THÂN NHÂN CHÍNH-TRỊ CÔNG-SAN VIỆT-NAM
Hội Bất Vụ Lợi GP/138-87 ngày 12/7/1986 California
POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM
(Mẫu ghi tên Thân Nhân chính-trị)



The purpose of this form is to identify persons who are or were former re-education camp in Vietnam, so that eligibility for U.S. Admission via Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang giam cầm trong Tào ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.

A.- GENERAL BIOGRAPHY : (Photo if available)

(Ly lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name : (Family name, middle, first)

HỒ - VĂN - TRÁ

(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)

2. Sex : Nam . Date of Birth : 21/3/1932. Place of birth : G. Bình-Đạo, Huyện Thăng Bình, Quảng-Nam.

(Phái)

(Ngày sinh)

(Nơi sinh)

3. Last position/Rank/Agency/Unit : Trưởng H. Nhân-Huân , F. Đặc-Biệt Tỉnh Pleiku (Chức vụ, cấp bậc, Cơ quan, Đơn vị cuối cùng) BCH/CSQG Pleiku, Trung-sĩ hành ngạch (IRM 091769)

B.- ARREST

(Giam giữ)

1. Date and Place of Arrest : Ngày 11/5/1975 tại Ty Công-An Gialai-Kontum (Ngày nơi trình diện/bị bắt)

2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps : Trại Plei-Bong, Tỉnh Gialai-Kontum (Tên, địa điểm các trại giam) Trại Gia-Trung Bộ Nội-Vu.

3. Date of release or still in camps : Ngày được thả 30/6/1983 (Ngày được thả hay còn bị giam)

C.- FAMILY STATUS :

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single : vợ và 12 con

(Có gia-đình hay độc thân)

2. If married, please complete names of Spouse and Children : Vợ Trần-thị-Bông 1947 (Nếu có gia-đình, xin điền thêm người vợ và các con)

Con Trần-thị-Kim-Phung 1960, Hồ-thị-Anh-Thu 1962, Hồ-thị-Minh-Trang 1964, Hồ-văn

Trung-Tin 1967, Hồ-thị-Ngọc-Điêu 1973, Hồ-Trần-Trọng-Hiền 1968, Hồ-Trần-Hạnh

Duyên 1973, Hồ-Trần-Khánh-Vân 1974, Hồ-Trần-Trọng-Nhân 1975, Hồ-Trần-Như

Nguyễn 1980, Hồ-Trần-Hạnh-Tâm 1985, Hồ-Trần-Bích-Thủy 1987.

3. Address of Family : Thôn 2 Xã An-Phu, Thị-xã Pleiku, Tỉnh Gialai-Kontum. (Địa chỉ gia đình)

D.- APPLICANT :

(Người đứng đơn)

1. Name : (Họ và tên)

Occupation (Nghề nghiệp)

2. Address and phone number : (Địa chỉ và điện thoại)

3. Relationship with detainee : (Liên hệ với tù nhân cải tạo)

4. Status in USA : Permanent resident ☒ US citizen ☐ (Tình trạng cư trú)

5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released) Yes ☒ No ☐ (Ông, bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không)

Date (Ngày, tháng, năm)
16 . 12 , 1989

Signature of applicant (Chữ ký của người đứng đơn)

Ho Van Tra

(Xin Hàng Báo theo địa chỉ)
Ho Van Tra, 96 Đinh Tiên Hoàng, Thị Xã Pleiku, Gialai-Kontum - Việt Nam.)



Hồ Trần Bích Thủy
1982

Hồ Trần Hồng Nhân
1985

Hàn Thị Bội
10-1-1947

Hồ Thị Ngọc Diệp
1983

Hồ Văn Trà
21-3-1938

Hồ Trần Hạnh Tâm
1985

Hồ Trần Như Nguyễn
1980

Hồ Trần Hạnh Duyên
1973

Hồ Trần Khánh Vân
1974

Hồ Trần Đình Kiên
1968

FORMER POLITICAL PRISONERS OF COMMUNIST VIETNAM ASSOCIATION
HỘI CHỮ TỬ NHÂN CHÍNH-TRỊ CÔNG-SAN VIỆT-NAM
Hội Sat Vu Loi GP, LDC 1ST ngày 12/7/1986 California
POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM
(Hầu phi tên Tử nhân chính-trị)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camp in Vietnam, so that eligibility for U.S. Admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang giam cầm trong các "trại Cải tạo" ở Việt Nam đã được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A.- GENERAL BIOGRAPHY : (Photo if available)

(Ly lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name : (Family name, middle, first)

HỒ - VĂN - TRÁ

(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)

2. Sex : Nam . Date of Birth : 21/3/1938. Place of birth : Xã Bình-Đạo, Huyện Thống Binh, Quảng-Nam.

(Phái) (Ngày sinh)

(Nơi sinh)

3. Last position/rank/Agency/Unit : Trưởng H. Nhân-Văn, T. Đặc-Biệt Tỉnh Pleiku (Đặc vụ, cấp bậc, cơ quan, đơn vị cuối cùng) BCH/CSQG Pleiku, Trung-sĩ chính ngạch (ISM 091768)

B.- ARREST

(Giam giữ)

1. Date and Place of Arrest : Ngày 11/2/1975 tại Ty Công-An Gialai-Kontum

(Ngày nơi trình diện/bị bắt)

2. Name, location of Prisons or Re-education Camps : -Trại Plei-Bong, Tỉnh Gialai-Kontum
(Tên, địa điểm các trại giam) -Trại Gia-Trung Bộ Nội-Vũ.

3. Date of release or still in camps : Ngày được thả 30/6/1983

(Ngày được thả hay còn bị giam)

C.- FAMILY STATUS :

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single : vợ và 12 con

(Có gia đình hay độc thân)

2. If married, please complete names of Spouse and Children : Vợ Trần-thị-Bong 1947
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ và các con)

Con - em-tôi-Kim-Thung 1960, em-thị-Anh-Thu 1962, em-thị-Minh-Trang 1964, em-văn-Trung-Tin 1967, em-thị-Ngọc-Dieu 1973, em-Trần-Trọng-Mien 1968, em-Trần-Hạnh-Duyên 1973, em-Trần-Khánh-Vân 1974, em-Trần-Trọng-Nhan 1975, em-Trần-Như-Nguyên 1980, em-Trần-Hạnh-Tam 1983, em-Trần-Bích-Thủy 1987.

3. Address of Family : Thôn 2 Xã An-Phu, Thị-xã Pleiku, Tỉnh Gialai-Kontum.
(Địa chỉ gia đình)

D.- APPLICANT :

(Người đứng đơn)

1. Name :

Hồ và tên)

Occupation

(Nghề nghiệp)

2. Address and phone number :

(Địa chỉ và điện thoại)

3. Relationship with detainee :

(Liên hệ với tù nhân cải tạo)

4. Status in USA :

Permanent resident

US citizen

(Tình trạng cư trú)

5. Are you, willing to sponsor the above detainee (if released) Yes ☒ No ☐
(Ông, bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không)

Date

(Ngày, tháng, năm)

Signature of applicant

(Chữ ký của người đứng đơn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHUNG NHẬN
KẾT HÔN

Tên Thành phố

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyển số 01

Số 337

Tên xã
Xã Phương
XÃ AN PHÚ

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

(BẮC - SÁO)

Họ và tên người vợ Trần thị Phòng

Họ và tên người chồng Hồ Văn Trã

Sinh ngày 21 - 3 - 1938

Quê quán Quảng Nam - Đà Nẵng

Nơi đăng ký thường trú Thôn 2, xã
An Phú, Pleiku, Gia Lai - Kon Tum

Nơi đăng ký thường trú Thôn 2, xã
An Phú, Pleiku, Gia Lai - Kon Tum

Nghề nghiệp Nông

Nghề nghiệp Nông

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 230046760

Số CMND hoặc Hộ chiếu 230331789

Kết hôn ngày 30 tháng 1 năm 1959

Chữ ký người vợ

Chữ ký người chồng

TAI/UBND

Tai nguyên

Trần Văn Trã

10 năm 1959

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP/HT

Xã, phường An Phú

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số _____

Huyện, Quận Thị xã Pleiku

Quyền _____

Tỉnh, Thành phố Gia Lai - Kon Tum



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Hồ Trần Trọng Hiền Nam hay nữ Nam
 Ngày, tháng, năm sinh 05 1968 (Năm một Hên, Thìn
hăm bốn mươi tám, Tháng Mất, ngày Mất.)
 Nơi sinh An Phú, Thị xã Pleiku
 Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên	<u>Trần Hu Bằng</u>	<u>Hồ Văn Tra</u>
Tuổi	<u>1947</u>	<u>1938</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Nông</u>	<u>Nông</u>
Nơi thường trú	<u>An Phú, Thị xã Pleiku</u>	<u>An Phú, Thị xã Pleiku</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Hồ Văn Tra, 1938, An Phú, Thị xã Pleiku, Gia Lai - Kon Tum
CM. 230331289, Gia Lai ngày 2-6-1984

Đăng ký ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

NGƯỜI ĐỨNG KHAI KÝ

TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN

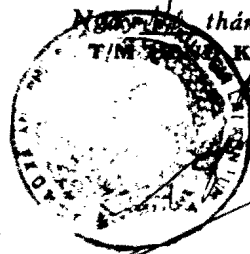
Ký tên
Hồ Văn Tra

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Năm tháng 2 năm 1980

TÌM KIẾM KÝ TÊN ĐÓNG DẤU

DET. DET



Kai CV

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã phường Đông An

Huyện, Quận Định

Tỉnh, Thành phố Phước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự Do — Hạnh Phúc

TP/HT

Số

Quyển _____



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Hồ Thị Ngọc Diễm Nam hay Nữ Nữ

Ngày, tháng, năm sinh 15 M. 10 1973 Ngày này tháng một năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba

Nơi sinh Phước, phố Gia Định, Kép

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Phan Thị Đình</u>	<u>Hồ Văn Phổ</u>
Tuổi	<u>15 23 1948</u>	<u>1938</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Nông</u>	<u>Nông</u>
Nơi thường trú	<u>Phố 2, xã Hòa Phú (Chết)</u>	<u>Đang ở An Phú</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Hồ Thị Kim Phụng, trên 2, xã Hòa Phú, Số chứng minh
2300 73 21

Đăng ký ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

Người đứng khai ký

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Phụng

Hồ Thị Kim Phụng

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 12 tháng 10 năm 1989

T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU



Nguyễn Văn Cường

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH

Tỉnh : _____

Quận : Y.Đ. Trưng

Xã : Nội Thương Nội Phố

Số hiệu : 3965

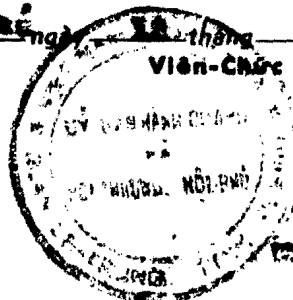
Lập ngày 11 tháng 10 năm 19 73

Tên họ đứa trẻ : Hồ Trần Ngọc Duyên
Con trai hay con gái : con gái
Ngày sanh : ngày tháng mười năm một nghìn chín trăm
bảy mươi ba (04.10.1973)
Nơi sanh : Nội Thương Nội Phố Y.Đ. Trưng Pleiku
Tên họ người cha : Hồ Văn Trà
Tên họ người mẹ : Trần Thị Hồng
Vợ chánh hay không có hôn-thú : chánh
Tên họ người đứng khai : Hồ Văn Trà

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Lập tại Nội Thương Nội Phố ngày 11 tháng 10 năm 19 73

Viên-Chức Hộ-Tịch,



Mưu

VIỆT-NAM CỘNG HÒA

Tỉnh: Pleiku
Quận: Lộ trung
Xã: Hộithương Hộiphủ
Số hiệu: 3582

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH

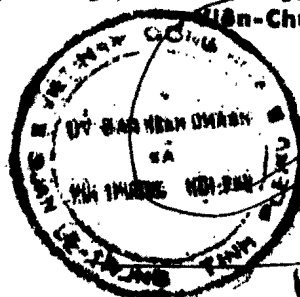
Lập ngày 06 tháng 11 năm 19 74

Tên họ đứa trẻ : Hồ Trần Khánh Vân
Con trai hay con gái : Con
Ngày sanh : một tháng mười một năm một ngàn chín trăm
bảy mươi bốn (01.11.1974)
Nơi sanh : Hội thương Hội phủ Lộ trung Pleiku
Tên họ người cha : Hồ Văn Trà
Tên họ người mẹ : Trần Thị Bông
Vợ chánh hay không có hôn-thú : chánh
Tên họ người đứng khai : Hồ Văn Trà

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Lập tại: Hộithương Hộiphủ ngày 07 tháng 11 năm 19 74

Chức-Hộ-Tịch,



VQ-XUÂN.CD

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT 3/P 3

Xã, thị trấn An Phú
Thị xã, quận Plai Kru
Thành phố, tỉnh Gialai - Kon Tum

BẢN SAO

Số _____

Quyển số _____

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên	<u>Hồ Trần Trọng Nhân</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Hai mươi tám, tháng bảy, năm một nghìn bảy trăm chín mươi lăm (28.7.1975)</u>		
Nơi sinh	<u>Thôn 2, xã An Phú, thị xã Plai Kru, tỉnh Gialai - Kon Tum</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Hồ Văn Trã</u> <u>1938</u>	<u>Trần Thị Bông</u> <u>1947</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Nông</u>	<u>Nông</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Thôn 2, xã An Phú</u>	<u>Thôn 2, xã An Phú</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Hồ Văn Trã, 1938, thôn 2, xã An Phú, thị xã Plai Kru, tỉnh Gialai - Kon Tum.</u> <u>CM số 230 334789</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 08 tháng 08 năm 1975TM/UBND Xã An Phú ký tên đóng dấu

ỦY VIÊN THỦ KÝ

Nguyễn Thị CảnhĐứng ký ngày _____ tháng _____ năm _____
(ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT 3/P3

Độc lập—Tự do—Hạnh phúc

77-80

Xã, thị trấn: An Phú

Thị xã, quận: Pleiku

Thành phố, tỉnh Gialai-Kontum

BẢN SAO

Số 806

Quyển số 1

GIẤY KHAI SINH

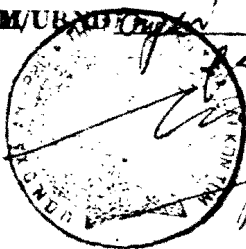
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>Hồ Trần Như Nguyễn</u>		Nam ☐ Nữ ☒
Sinh ngày tháng, năm	<u>Hai mươi, tháng tám, năm một ngàn, chín trăm tám mươi. (20-8-1980)</u>		
Nơi sinh	<u>Thôn 2, Xã An Phú, Pleiku, Gialai-Kontum</u>		
Khai về cha, mẹ			
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	CHA <u>Hồ Văn Trã</u> <u>1938</u>	MẸ <u>Trần Thị Bông</u> <u>1947</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp, Nơi ĐKKK thường trú	<u>Nông</u> <u>Thôn 2, Xã An Phú</u>	<u>Nông</u> <u>Thôn 2, Xã An Phú</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Trần Thị Bông, 1947, Thôn 2, An Phú, Pleiku, Gialai-Kontum.</u> <u>CM. Số 230046760</u>		

MIỄN THỰC SAO Y BAN CHÍNH

Ngày 01 tháng 7 năm 1980

TM/UBND Nguyễn Văn Tuấn ký tên đóng dấu



Nguyễn Văn Tuấn

Đã ký, ngày 01 tháng 9 năm 1980

(ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Nguyễn Văn Tuấn
Phó chủ tịch

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT 3/P 3

Xã, thị trấn An Phú
Thị xã, quận Pleiku
Thành phố, tỉnh Gialai - Kon Tum

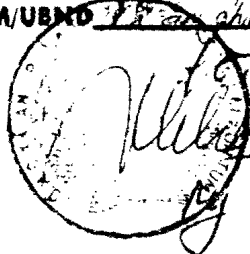
BẢN SAO

Số 1987
Quyển số 01

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên	<u>Hồ Trần Hạnh-Tâm</u>		Nam, nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Hai mươi lăm, tháng ba, năm một ngàn, chín trăm, tám mươi lăm. (25-3-1985)</u>		
Nơi sinh	<u>Thôn 2, xã An Phú, Pleiku, Gialai - Kon Tum</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Hồ Văn Trã</u> <u>1938</u>	<u>Trần Huệ Bông</u> <u>1947</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>Nông</u> <u>Thôn 2, xã An Phú</u>	<u>Nông</u> <u>Thôn 2, xã An Phú</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Hồ Văn Trã, 1938, Thôn 2, xã An Phú, Pleiku, Gialai - Kon Tum.</u> <u>CM. Số 23053.1789 -</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 5 tháng 7 năm 1985TM/UBND Phạm Văn Khoa ký tên đóng dấuĐăng ký ngày 5 tháng 7 năm 1985
(ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)Nguyễn Liên, Phó chủ tịch

Cuc QL và CTFN

Số: 1421

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia trung, ngày 30 tháng 4 năm 1982

SHSLD : 0:0:3:6:7:8:0:7:0:11:2:

- Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1977 của Thủ tướng chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam về chính sách đối với binh sỹ nhân viên cơ quan chính quyền của chế độ cũ và Đảng phải phản động hiện đang tập trung cải tạo.

- Căn cứ thông tư liên bộ quốc phòng Nội Vụ số 07/TT-LB ngày 2 tháng 11 năm 1977 của thủ tướng chính phủ.

- Thi hành quyết định của Bộ: 24 ngày 01 tháng 06 năm 1983
của Bộ trưởng Bộ Nội Vụ.

1-/ ọ và tên : HỒ VĂN TRÃ năm sinh : 1938.

Sinh quán : Quảng Nam

Trú quán : Thôn 2, Xã An Mỹ, Huyện G. Gia Lai - Kon Tum.

Số lĩnh : _____ cấp bậc Trung Sĩ

Chức vụ : Trưởng Nhân viên ĐDĐ trong bộ máy chính quyền quân sự và các tổ chức chính quyền phân công của chế độ cũ

- Lý do tha : Gửi tước tích hồ

Khi về phải trực tiếp trình bày ngay giấy này với ủy ban nhân dân, công an xã, phường, thuộc huyện, quận : ĐC

tỉnh, thành phố Sài Gòn và phải tuân theo các quy định của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về việc quản chế và nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời gian quân chế : 12 (Mười hai) Tháng

- Thời gian đi đường : 1 ngày (kể từ ngày cấp giấy đi lại)

- Tiền và lương thực đã dùng đã cấp : 22.000

Lăn ngón tay trở phải

của: Hô và Lê

Danh bản số : 2.00

Lập tại : Gia Định

Chữ ký của người

được cấp giấy

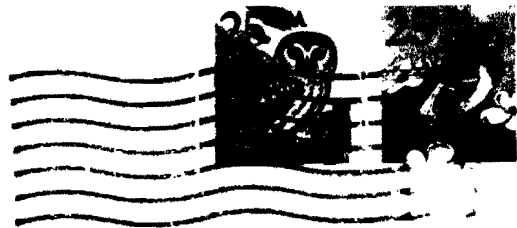
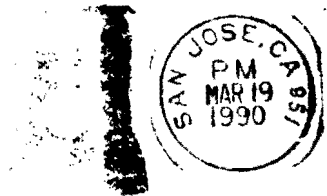
GIAM THO

110-10444

Hồ Văn Tra

THIỆU TÀ
NGUYỄN DINH TUNG

From: Luong Truoc Le



MAR 22 1990

To Mrs. KHUC MINH TITO
Chủ tịch Hội Gia Đình Tự Nhân chính trị Việt Nam
P.O. Box 5435, Arlington, VA
22205-0635

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership; Letter

4/26/90